

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-VP
V/v thẩm định công bố danh mục
TTHC và quy trình nội bộ giải quyết
TTHC các lĩnh vực: Lâm nghiệp;
Khoa học Công nghệ và Môi trường

Ninh Bình, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Thực hiện các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường liên quan tới tiếp cận nguồn gen thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành xây dựng dự thảo hồ sơ Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Lâm nghiệp (cấp tỉnh, cấp huyện); lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường (cấp xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Bình, gồm:

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (cấp tỉnh): 02 thủ tục (lĩnh vực Lâm nghiệp).

II. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (cấp huyện): 02 thủ tục (lĩnh vực Lâm nghiệp).

Lý do đề nghị ban hành mới lĩnh vực Lâm nghiệp: Ngày 14/10/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (cấp xã): 01 thủ tục (lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường).

Lý do đề nghị ban hành mới: Ngày 01/9/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN về việc công bố

thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường liên quan tới tiếp cận nguồn gen thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Kèm theo Phụ lục 1 - Danh mục và nội dung thực hiện TTHC)

IV. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp (cấp tỉnh, cấp huyện); lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường (cấp xã).

(Kèm theo Phụ lục 2)

V. 02 dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về: Công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Lâm nghiệp; lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Kèm theo 02 dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Văn phòng UBND tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực Lâm nghiệp (cấp tỉnh, cấp huyện); lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường (cấp xã).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng gửi tới Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, VP.

MC

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Xuân Diệu

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH NINH BÌNH
(Ban hành kèm theo Công văn số _____ /SNN-VP ngày ____ / ____ /2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
Lĩnh vực Lâm nghiệp							
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Sở Nông nghiệp và PTNT		Không	x	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
2	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	a) Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. b) Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh.	Sở Nông nghiệp và PTNT		Không	x	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
Lĩnh vực Lâm nghiệp							
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện		Không	x	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
2	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan	Chi cục Hải quan		20.000 đồng	x	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính. - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
Lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường							
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã		Không quy định		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Phụ lục 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Công văn số /SNN-VP ngày / /2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Bình)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu

Mã TTHC:

a) Trường hợp không có thông tin vi phạm:

Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Cán bộ tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 04 kèm theo). - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 05 và Mẫu số 06 kèm theo). - Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn 	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06

			gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018).		
<i>Bước 2</i>	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ giải quyết	04 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Cán bộ chuyên môn	Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định và tham mưu về việc xác nhận bảng kê gỗ	14 giờ	Mẫu 04, 05
		Lãnh đạo phòng	Xem xét, báo cáo lãnh đạo Chi cục	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Chi cục	Chi cục trưởng	Phê duyệt, xác nhận bảng kê lâm sản	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Kiểm lâm		Đóng dấu vào bảng kê lâm sản đã xác nhận, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01, 04, 05, 06

* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, Trong thời gian chậm nhất 1 ngày trước ngày hết hạn xử lý cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân

- Các bước và trình tự công việc có thể được thay đổi cho phù hợp với cơ cấu tổ chức và việc phân công nhiệm vụ cụ thể của mỗi cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
- Tổng thời gian phân bổ cho các bước công việc không vượt quá thời gian quy định hiện hành của thủ tục này.

BIỂU MẪU (Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thực hiện TTHC)

Ghi chú: Các mẫu 01,02,03,04,05,06 áp dụng theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ.

Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ
Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ

HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu trữ gồm: thành phần ở Bước 1 và Kết quả thủ tục hành chính.

Được lưu tại Phòng chuyên môn xử lý Hồ sơ trong thời gian 05 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ về phòng Lưu trữ của cơ quan để lưu trữ theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp có thông tin vi phạm:

Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Kiểm lâm	Cán bộ tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 04 kèm theo). - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 05 và Mẫu số 06 kèm theo). - Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018). 	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06

<i>Bước 2</i>	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ giải quyết	04 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Cán bộ chuyên môn	Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định và tham mưu về việc xác nhận bảng kê gỗ	28 giờ	Mẫu 04, 05
		Lãnh đạo phòng	Xem xét, báo cáo lãnh đạo Chi cục	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Chi cục	Chi cục trưởng	Phê duyệt, xác nhận bảng kê lâm sản	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Kiểm lâm		Đóng dấu vào bảng kê lâm sản đã xác nhận, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bru chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

2. Tên thủ tục hành chính: Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

Mã TTHC:

a) Trường hợp không phải xác minh

Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc x 8 giờ = 08 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Kiểm lâm	Cán bộ tiếp nhận	<p>- Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định.</p> <p>- Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn giải quyết.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP (có Mẫu số 08 kèm theo).</p>	01 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06
<i>Bước 2</i>	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ giải quyết	01 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Cán bộ chuyên môn	Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp của cơ quan tiếp nhận căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam để tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I.	03 giờ	Mẫu 04, 05
		Lãnh đạo phòng	Xem xét, báo cáo lãnh đạo Chi cục	01 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Chi cục	Chi cục trưởng	Xem xét, ký thông báo phân loại doanh nghiệp	01 giờ	Mẫu 04, 05

<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Kiểm lâm		Đóng dấu, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	01 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

b) Trường hợp phải xác minh: Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Kiểm lâm	Cán bộ tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP (có Mẫu số 08 kèm theo).</p>	02 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06
<i>Bước 2</i>	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ giải quyết	02 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Cán bộ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> - Cần xác minh làm rõ thông tin do doanh nghiệp tự kê khai; thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại. - Sau khi xác minh, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam nhập thông tin vào Hệ thống phân loại doanh nghiệp để tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I. 	20 giờ	Mẫu 04, 05
		Lãnh đạo phòng	Xem xét, báo cáo lãnh đạo Chi cục	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Chi cục	Chi cục trưởng	Xem xét, ký thông báo phân loại doanh nghiệp	04 giờ	Mẫu 04, 05

<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Kiểm lâm		Đóng dấu, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

c) Trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh: Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc x 8 giờ = 104 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Kiểm lâm	Cán bộ tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP (có Mẫu số 08 kèm theo).</p>	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06
<i>Bước 2</i>	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ giải quyết	04 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Cán bộ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại. - Phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp và thông báo kết quả xác minh cho doanh nghiệp đó biết. - Sau khi xác minh, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; cán bộ nhập thông tin vào Hệ thống phân loại doanh nghiệp để tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I. 	76 giờ	Mẫu 04, 05
		Lãnh đạo phòng	Xem xét, báo cáo lãnh đạo Chi cục	08 giờ	Mẫu 04, 05

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Chi cục	Chi cục trưởng	Xem xét, ký thông báo phân loại doanh nghiệp	08 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Kiểm lâm		Đóng dấu, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

1. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu

Mã TTHC:

a) Trường hợp không có thông tin vi phạm:

Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
Bước 1	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Cán bộ tiếp nhận	<p>- Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định.</p> <p>- Chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn giải quyết.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>- Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 04 kèm theo).</p> <p>- Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 05 và Mẫu số 06 kèm theo).</p> <p>- Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018).</p>	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06

<i>Bước 2</i>	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Cán bộ chuyên môn	Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định và tham mưu về việc xác nhận bảng kê gỗ	22 giờ	Mẫu 02, 04, 05
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	Hạt trưởng	Phê duyệt, xác nhận bảng kê lâm sản	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Hạt Kiểm lâm		Đóng dấu vào bảng kê lâm sản đã xác nhận, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

b) Trường hợp có thông tin vi phạm:

Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Cán bộ tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 04 kèm theo). - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 05 và Mẫu số 06 kèm theo). - Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018). 	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06
<i>Bước 2</i>	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Cán bộ chuyên môn	Kiểm tra kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định và tham mưu về việc xác nhận bảng kê gỗ	38 giờ	Mẫu 02, 04, 05

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	Hạt trưởng	Phê duyệt, xác nhận bảng kê lâm sản	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Hạt Kiểm lâm		Đóng dấu vào bảng kê lâm sản đã xác nhận, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bru chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

2. Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Chi cục Hải quan	Cán bộ tiếp nhận	<p>- Nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định.</p> <p>- Chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn giải quyết.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Thực hiện theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính (mã hồ sơ thủ tục hành chính số 1.006440 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia).</p> <p>b) Bản chính Bảng kê gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 01 hoặc Bảng kê nhập khẩu gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐCP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo).</p> <p>c) Một trong các tài liệu sau:</p> <p>c.1) Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Bản sao giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước xuất khẩu hoặc nước tái xuất khẩu cấp; Bản sao giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp;</p> <p>c.2) Trường hợp gỗ nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT: Bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp;</p> <p>c.3) Trường hợp lô hàng gỗ nhập khẩu không thuộc quy định tại điểm c.1 hoặc điểm c.2 khoản này: Bảng kê khai nguồn gốc gỗ</p>	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan	Mẫu 01,02,03, 04,05,06

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
			nhập khẩu theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 03 kèm theo).		
<i>Bước 2</i>	Chi cục Hải quan	Cán bộ chuyên môn	Thực hiện theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính		Mẫu 02, 04, 05
<i>Bước 3</i>	Chi cục Hải quan	Lãnh đạo	Sau khi hoàn thành thủ tục thông quan, cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi thông quan xác nhận nội dung chủ gỗ đã kê khai		Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Văn thư Chi cục Hải quan		Đóng dấu, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho cán bộ tiếp nhận.		Mẫu 04, 05
<i>Bước 5</i>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả		Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

1. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

Mã TTHC: 1.0008838.000.00.00.H42

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc * 08 giờ/ngày = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện (ghi rõ họ tên)	Kết quả thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu kết quả
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa nhận Văn bản (hồ sơ) kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, phân loại theo quy định, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm, viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả theo quy định. - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận văn thư cấp xã vào sổ trình Chủ tịch UBND cấp xã phân công cho công chức phụ trách giải quyết. <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp; - Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan; - Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. 	04 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06
<i>Bước 2</i>	UBND xã	Công chức phụ trách	Xem xét hồ sơ, tham mưu Lãnh đạo UBND xã xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	08 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
		Lãnh đạo UBND xã	Lãnh đạo UBND xã xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	08 giờ	Mẫu 04, 05

<i>Bước 3</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Cán bộ văn thư	Bộ phận Văn thư VP UBND cấp xã đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi hồ sơ, kết quả cho Bộ phận một cửa, kết thúc trên phần mềm.	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC đã có tại Bộ phận một cửa; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả (hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích), vào sổ giao nhận kết quả, thu phí, lệ phí (nếu có).		Mẫu 01,04, 05, 06